

**BIÊN BẢN**

**Về việc họp công khai mua sắm và xử lý thanh lý tài sản công năm 2023**

I. Thời gian: 14h00 phút ngày 31 tháng 12 năm 2023

II. Địa điểm: Trường THCS Quốc Tuấn

III. Thành phần:

- Toàn thể HĐSP nhà trường
- Bà Bùi Thị Minh Nguyệt – Hiệu trưởng nhà trường
- Bà Vũ Phương Hà – NV văn thư – thư ký

IV. Nội dung:

- Đồng chí Hiệu trưởng gửi bản công khai mua sắm tài sản và thanh lý tài sản năm 2023 qua nhóm zalo công việc của nhà trường để các đồng chí cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường nắm được.

Nội dung công khai:

- Công khai tình hình mua sắm tài sản công và danh sách các tài sản hư hỏng thanh lý trong năm 2023. Các biểu mẫu công khai được dán niêm yết tại bảng tin nhà trường 30 ngày (từ ngày 31/12/2023 đến ngày 31/01/2024) và công khai trên trang web điện tử của nhà trường. (Có biểu mẫu công khai kèm theo)

- Ban chấp hành Công đoàn, Ban Thanh tra nhân dân tập hợp ý kiến của cán bộ giáo viên, công nhân viên trong nhà trường.

- Ban Giám hiệu, bộ phận kế toán có trách nhiệm tiếp thu và giải trình các ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường

Biên bản này lập xong, đã đọc cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe 100% các đồng chí cán bộ, giáo viên, nhân viên nhất trí ký tên./.



**HIỆU TRƯỞNG**  
Bùi Thị Minh Nguyệt

**Thư ký**

**Vũ Phương Hà**

**Trưởng ban TTND**

**Phạm Văn Tứ**

**Chủ tịch Công Đoàn**  
  
**Nguyễn Đăng Toàn**

**Kế toán**

**Giang Thị Bình**

Quốc Tuấn, ngày 31. tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công khai mua sắm tài sản công năm 2023**  
**của Trường THCS Quốc Tuấn**

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ – CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều sửa đổi của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Thông tư 144/2017/TT- BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ- CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường,*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Công bố công khai tình hình mua sắm tài sản công năm 2023 của Trường THCS Quốc Tuấn.

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Công khai việc mua sắm tài sản công năm 2023 trong cuộc họp hội đồng sư phạm, trang web điện tử của trường.

**Điều 3.** Bộ phận kế toán và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TC.



**Bùi Thị Minh Nguyệt**

Bộ, tỉnh: Thành phố Hải Phòng  
Cơ quan quản lý cấp trên:  
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THCS Quốc Tuấn  
Mã đơn vị: 1015779  
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẴM, GIAO, THUẾ TÀI SẢN CÔNG  
Năm 2023

| Stt | Tên tài sản                     | Đơn vị tính | Số lượng | Nhãn hiệu | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Giá mua/thuế (Nghìn đồng) | Hình thức mua sắm/thuế  | Nhà cung cấp (người bán) | Khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) | Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có) |                                 | Chi chủ |
|-----|---------------------------------|-------------|----------|-----------|---------------|--------------|---------------------------|-------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------|
|     |                                 |             |          |           |               |              |                           |                         |                          |                                                                                | Nộp NSNN (Nghìn đồng)                                            | Được để lại đơn vị (Nghìn đồng) |         |
| 1   | 2                               | 3           | 4        | 5         | 6             | 7            | 8                         | 9                       | 10                       | 11                                                                             | 12                                                               | 13                              | 14      |
| I   | Đầu tư xây dựng, mua sắm        |             |          |           |               |              | 220.300                   |                         |                          |                                                                                |                                                                  |                                 |         |
| 4   | Tài sản cố định khác            |             |          |           |               |              | 220.300                   |                         |                          |                                                                                |                                                                  |                                 |         |
| 1   | Bảng tương tác Led 75 inch      | Cái         | 1        |           |               |              | 93.500                    | Nguồn học cơng học thêm |                          |                                                                                |                                                                  |                                 |         |
| 2   | Bộ âm thanh phòng Hội trường    | Chiếc       | 1        |           |               |              | 33.200                    |                         |                          |                                                                                |                                                                  |                                 |         |
| 3   | Bộ âm thanh sân khấu            | Chiếc       | 1        |           |               |              | 19.280                    | Nguồn NS TX             |                          |                                                                                |                                                                  |                                 |         |
| 4   | Điều hòa phòng Hội trường       |             | 1        |           |               |              | 14.950                    | Nguồn học liên kết      |                          |                                                                                |                                                                  |                                 |         |
| 5   | Điều hòa phòng Hội trường       |             | 1        |           |               |              | 14.950                    | Nguồn học liên kết      |                          |                                                                                |                                                                  |                                 |         |
| 6   | Máy tính xách tay phòng học TM  | Chiếc       | 1        |           |               |              | 17.500                    | Nguồn NS KTX            |                          |                                                                                |                                                                  |                                 |         |
| 7   | Ti vi samsung 55 inch phòng học | Chiếc       | 1        |           |               |              | 13.500                    | Nguồn NS KTX            |                          |                                                                                |                                                                  |                                 |         |
| 8   | Ti vi samsung 55 inch phòng học | Chiếc       | 1        |           |               |              | 13.500                    | Nguồn NS KTX            |                          |                                                                                |                                                                  |                                 |         |
|     | Tổng cộng                       |             |          |           |               |              | 220.300                   |                         |                          |                                                                                |                                                                  |                                 |         |

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

*hnt*  
Grang Dai Binh



Ngày 14 tháng 12 năm 2023  
Trưởng đơn vị  
(Ký, họ tên và đóng dấu)

HIỆU TRƯỞNG  
Bùi Thị Minh Nguyệt

Bộ, tỉnh: Thành phố Hải Phòng

Cơ quan quản lý cấp trên:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THCS Quốc Tuấn

Mã đơn vị: 1015779

Loại hình đơn vị: Khóai sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

Năm 2023

| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức | Bộ phận sử dụng | Số lượng | Giá trị theo số kế toán đến thời điểm công khai<br>(Ngàn đồng) |                  |             |                 | Mục đích sử dụng                |                        |                           |            |          |                      |              |
|-----|---------------------------------------------------------------|-----------------|----------|----------------------------------------------------------------|------------------|-------------|-----------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------------------|--------------|
|     |                                                               |                 |          | Tổng cộng                                                      | Nguyên giá       |             | Giá trị còn lại | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |
|     |                                                               |                 |          |                                                                | Nguyên nhân sách | Nguyên khác |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | 2                                                             | 3               | 4        | 5                                                              | 6                | 7           | 8               | 9                               | 10                     | 11                        | 12         | 13       | 14                   | 15           |
| I   | Tài sản cố định khác                                          |                 | 52       | 1.073.194                                                      | 991.794          | 123.400     | 359.307         |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |
| 1   | Bàn, ghế tiếp khách phòng HT                                  | THCS Quốc Tuấn  | 1        | 25.000                                                         | 25.000           |             |                 |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 2   | Máy tính xách tay phòng học TM                                | THCS Quốc Tuấn  | 1        | 17.500                                                         | 17.500           |             | 14.000          |                                 |                        |                           |            |          |                      | x            |
| 3   | Phần mềm quản lý cabin bộ công chức, viên chức                | THCS Quốc Tuấn  | 1        | 12.000                                                         | 12.000           |             | 12.000          |                                 |                        |                           |            |          |                      | x            |
| 4   | Ti vi TCL                                                     | THCS Quốc Tuấn  | 1        | 17.500                                                         | 17.500           |             | 7.000           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 5   | Ti vi Hội trường                                              | THCS Quốc Tuấn  | 1        | 40.000                                                         | 40.000           |             | 8.000           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 6   | Ti vi Hội trường samsung 75 inch                              | THCS Quốc Tuấn  | 1        | 32.950                                                         | 32.950           |             | 19.770          |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 7   | Ti vi L55P8 55 inch                                           | THCS Quốc Tuấn  | 1        | 14.200                                                         | 14.200           |             | 5.680           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 8   | Ti vi sam sung 55inch                                         | THCS Quốc Tuấn  | 1        | 17.500                                                         | 17.500           |             | 10.500          |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 9   | Ti vi sam sung 55inch                                         | THCS Quốc Tuấn  | 1        | 17.500                                                         | 17.500           |             | 10.500          |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 10  | Ti vi samsung 55 inch phòng học                               | THCS Quốc Tuấn  | 1        | 13.500                                                         | 13.500           |             | 10.800          |                                 |                        |                           |            |          |                      | x            |
| 11  | Ti vi samsung 55 inch phòng học                               | lớp 7D          | 1        | 13.500                                                         | 13.500           |             | 10.800          |                                 |                        |                           |            |          |                      | x            |
| 12  | Máy tính xách tay HP                                          | THCS Quốc Tuấn  | 1        | 14.800                                                         | 14.800           |             | 2.960           |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 13  | Ti vi TCL                                                     | THCS Quốc Tuấn  | 1        | 17.050                                                         | 17.050           |             |                 |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 14  | Ti vi TCL                                                     | THCS Quốc Tuấn  | 1        | 17.050                                                         | 17.050           |             |                 |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
| 15  | Ti vi TCL                                                     | THCS Quốc Tuấn  | 1        | 13.375                                                         | 13.375           |             |                 |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |
|     | TCL                                                           | THCS Quốc Tuấn  | 1        | 23.510                                                         | 23.510           |             |                 |                                 | x                      |                           |            |          |                      |              |

| STT |                               | Đánh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức | Bộ phận sử dụng | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng) |                 |            |                 |                                 |                        | Mục đích sử dụng          |            |          |                      |              |  |
|-----|-------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------|----------|--------------------------------------------------------------|-----------------|------------|-----------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------------------|--------------|--|
|     |                               |                                                               |                 |          | Tổng cộng                                                    | Nguyên giá      |            | Giá trị còn lại | Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |  |
|     |                               |                                                               |                 |          |                                                              | Nguồn ngân sách | Nguồn khác |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 1   | 2                             | 3                                                             | 4               | 5        | 6                                                            | 7               | 8          | 9               | 10                              | 11                     | 12                        | 13         | 14       | 15                   |              |  |
| 17  | Ti vi TCL                     | THCS Quốc Tuấn                                                | 1               | 17.050   | 17.050                                                       |                 |            |                 | x                               |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 18  | Ti vi TCL                     | THCS Quốc Tuấn                                                | 1               | 13.375   | 13.375                                                       |                 |            |                 | x                               |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 19  | Ti vi TCL                     | THCS Quốc Tuấn                                                | 1               | 13.375   | 13.375                                                       |                 |            |                 | x                               |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 20  | Ti vi TCL                     | THCS Quốc Tuấn                                                | 1               | 17.050   | 17.050                                                       |                 |            |                 | x                               |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 21  | Ti vi TCL                     | THCS Quốc Tuấn                                                | 1               | 13.375   | 13.375                                                       |                 |            |                 | x                               |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 22  | Ti vi TCL                     | THCS Quốc Tuấn                                                | 1               | 17.050   | 17.050                                                       |                 |            |                 | x                               |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 23  | Ti vi TCL                     | THCS Quốc Tuấn                                                | 1               | 23.510   | 23.510                                                       |                 |            |                 | x                               |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 24  | Ti vi TCL                     | THCS Quốc Tuấn                                                | 1               | 17.050   | 17.050                                                       |                 |            |                 | x                               |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 25  | Máy tính xách tay             | THCS Quốc Tuấn                                                | 1               | 12.850   | 12.850                                                       |                 |            |                 | x                               |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 26  | Máy tính xách tay             | THCS Quốc Tuấn                                                | 1               | 22.900   | 22.900                                                       |                 | 13.740     |                 | x                               |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 27  | Máy tính xách tay             | THCS Quốc Tuấn                                                | 1               | 12.850   | 12.850                                                       |                 | 2.570      |                 | x                               |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 28  | Bàn, ghế tiếp khách phòng PHT | THCS Quốc Tuấn                                                | 1               | 20.000   | 20.000                                                       |                 |            |                 | x                               |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 29  | Bảng tương tác Led 75 inch    | Phòng học thông minh                                          | 1               | 93.500   |                                                              | 93.500          | 74.800     |                 |                                 |                        |                           |            |          | x                    |              |  |
| 30  | Bộ âm thanh Hội trường        | THCS Quốc Tuấn                                                | 1               | 55.830   | 55.830                                                       |                 |            |                 | x                               |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 31  | Bộ âm thanh phòng Hội trường  | THCS Quốc Tuấn                                                | 1               | 33.200   | 33.200                                                       |                 | 26.560     |                 |                                 |                        |                           |            |          | x                    |              |  |
| 32  | Bộ âm thanh sân khấu          | Sân khấu ngoài trời                                           | 1               | 19.280   | 19.280                                                       |                 | 15.424     |                 |                                 |                        |                           |            |          | x                    |              |  |
| 33  | Bộ camera                     | THCS Quốc Tuấn                                                | 1               | 55.900   | 55.900                                                       |                 | 27.950     |                 | x                               |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 34  | Bộ máy vi tính để bàn FPT     | THCS Quốc Tuấn                                                | 1               | 14.700   | 14.700                                                       |                 | 2.940      |                 | x                               |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 35  | Bộ phát thanh học đường       | THCS Quốc Tuấn                                                | 1               | 20.700   | 20.700                                                       |                 | 4.140      |                 | x                               |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 36  | Camera phòng trực tuyến       | THCS Quốc Tuấn                                                | 1               | 11.010   | 11.010                                                       |                 |            |                 | x                               |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 37  | Điều hòa Gree phòng chủ GV    | THCS Quốc Tuấn                                                | 1               | 23.800   | 23.800                                                       |                 |            |                 | x                               |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 38  | Điều hòa phòng Hội trường     | Phòng Hội trường                                              | 1               | 14.950   |                                                              | 14.950          | 17.850     |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 39  | Điều hòa phòng Hội trường     | Phòng Hội trường                                              | 1               | 14.950   |                                                              | 14.950          | 13.081     |                 |                                 |                        |                           |            |          | x                    |              |  |
| 40  | Điều hòa phòng PHT Gree       | THCS Quốc Tuấn                                                | 1               | 16.800   | 16.800                                                       |                 | 13.081     |                 | x                               |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 41  | Loa JBL SRX 725               | THCS Quốc Tuấn                                                | 1               | 28.600   | 28.600                                                       |                 | 12.600     |                 | x                               |                        |                           |            |          | x                    |              |  |

| Mục đích sử dụng                    |                | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai<br>(Nghìn đồng) |           |                 |            |                 |                                 | Mục đích sử dụng       |                           |            |          |                      |              |  |
|-------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------------|-----------|-----------------|------------|-----------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------------------|--------------|--|
|                                     |                | Số lượng                                                        | Tổng cộng | Nguyên giá      |            | Giá trị còn lại | Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |  |
|                                     |                |                                                                 |           | Nguồn ngân sách | Nguồn khác |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |  |
|                                     |                |                                                                 |           |                 |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 2                                   | 3              | 4                                                               | 5         | 6               | 7          | 8               | 9                               | 10                     | 11                        | 12         | 13       | 14                   | 15           |  |
| Máy chiếu đa năng EIKI mạnh PM 0x70 | THCS Quốc Tuấn | 1                                                               | 35.400    | 35.400          |            |                 |                                 |                        | x                         |            |          |                      |              |  |
| Máy chiếu phòng tin                 | THCS Quốc Tuấn | 1                                                               | 12.604    | 12.604          |            |                 |                                 |                        | x                         |            |          |                      |              |  |
| Máy tính văn phòng Hiệu trưởng      | THCS Quốc Tuấn | 1                                                               | 12.000    | 12.000          |            |                 |                                 |                        | x                         |            |          |                      |              |  |
| Máy tính văn phòng kế toán          | THCS Quốc Tuấn | 1                                                               | 12.000    | 12.000          |            |                 |                                 |                        | x                         |            |          |                      |              |  |
| Máy tính văn phòng Phó Hiệu trưởng  | THCS Quốc Tuấn | 1                                                               | 12.000    | 12.000          |            |                 |                                 |                        | x                         |            |          |                      |              |  |
| Máy tính văn phòng văn thư          | THCS Quốc Tuấn | 1                                                               | 12.000    | 12.000          |            |                 |                                 |                        | x                         |            |          |                      |              |  |
| Máy tính văn phòng văn thư          | THCS Quốc Tuấn | 1                                                               | 12.000    | 12.000          |            |                 |                                 |                        | x                         |            |          |                      |              |  |
| Máy tính xách tay                   | THCS Quốc Tuấn | 1                                                               | 15.600    | 15.600          |            |                 |                                 |                        | x                         |            |          |                      |              |  |
| Máy tính xách tay                   | THCS Quốc Tuấn | 1                                                               | 12.600    | 12.600          |            |                 | 2.520                           |                        | x                         |            |          |                      |              |  |
| Tivi LG 55 inch lớp 8B              | THCS Quốc Tuấn | 1                                                               | 14.200    | 14.200          |            |                 | 8.520                           |                        | x                         |            |          |                      |              |  |
| Tivi LG 55 inch lớp 9C              | THCS Quốc Tuấn | 1                                                               | 14.200    | 14.200          |            |                 | 8.520                           |                        | x                         |            |          |                      |              |  |

Người lập báo cáo  
(Ký, họ tên)

*Trần Thị Bình*  
Trần Thị Bình

Ngày 31. tháng 12 năm ...2023  
Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, họ tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG  
*Bùi Thị Minh Nguyệt*



Bộ, tỉnh: Thành phố Hải Phòng  
 Cơ quan quản lý cấp trên:  
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THCS Quốc Tuấn  
 Mã đơn vị: 1015779  
 Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

## CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2023

| STT |                        | Danh mục tài sản tương lý<br>báo cáo được xử lý |   | Giá trị theo sổ sách kế toán<br>(Nghìn đồng) |                    | Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có<br>thẩm quyền |                |     |             |             | Số tiền thu được từ xử lý tài sản<br>(Nghìn đồng)        |               |                                           | Chi phí<br>xử lý | Ghi<br>chú |           |
|-----|------------------------|-------------------------------------------------|---|----------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------|----------------|-----|-------------|-------------|----------------------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------|------------------|------------|-----------|
|     |                        |                                                 |   | Nguyên giá<br>sách                           | Nguyên<br>giá khác | Giá trị còn<br>lại                                       | Điều<br>chuyển | Bán | Thanh<br>lý | Tiêu<br>hủy | Xử lý<br>trong<br>tường<br>hợp bị<br>mất, bị<br>hủy hoại | Xử lý<br>khác | Kết quả xử lý<br>đến thời điểm<br>báo cáo |                  |            | Tổng cộng |
| 1   | 2                      | 3                                               | 4 | 5                                            | 6                  | 7                                                        | 8              | 9   | 10          | 11          | 12                                                       | 13            | 14                                        | 15               | 16         |           |
| I   | Bất                    |                                                 |   |                                              |                    |                                                          |                |     |             |             |                                                          |               |                                           |                  |            |           |
| II  | Nhà                    |                                                 |   |                                              |                    |                                                          |                |     |             |             |                                                          |               |                                           |                  |            |           |
| III | Xe ô tô                |                                                 |   |                                              |                    |                                                          |                |     |             |             |                                                          |               |                                           |                  |            |           |
| IV  | Tài sản cố định khác   | 198.034                                         |   | 2.570                                        |                    |                                                          |                |     |             |             |                                                          |               |                                           |                  |            |           |
|     | Bộ Am thanh Hội trường | 55.830                                          |   |                                              |                    |                                                          | x              |     |             |             | Pha dỡ, hủy bo.<br>Vật liệu, vật tư<br>thu hồi từ p...   |               |                                           |                  |            |           |
| 2   | Loa JBL SRX 725        | 28.600                                          |   |                                              |                    |                                                          | x              |     |             |             | Pha dỡ, hủy bo.<br>Vật liệu, vật tư<br>thu hồi từ p...   |               |                                           |                  |            |           |
| 3   | Máy chiếu phòng tin    | 12.604                                          |   |                                              |                    |                                                          | x              |     |             |             | Pha dỡ, hủy bo.<br>Vật liệu, vật tư<br>thu hồi từ p...   |               |                                           |                  |            |           |
| 4   | Máy tính xách tay      | 15.600                                          |   |                                              |                    |                                                          | x              |     |             |             | Pha dỡ, hủy bo.<br>Vật liệu, vật tư<br>thu hồi từ p...   |               |                                           |                  |            |           |
| 5   | Máy tính xách tay      | 12.850                                          |   | 2.570                                        |                    |                                                          | x              |     |             |             | Pha dỡ, hủy bo.<br>Vật liệu, vật tư<br>thu hồi từ p...   |               |                                           |                  |            |           |
| 6   | Tivi TCL               | 17.050                                          |   |                                              |                    |                                                          | x              |     |             |             | Pha dỡ, hủy bo.<br>Vật liệu, vật tư<br>thu hồi từ p...   |               |                                           |                  |            |           |

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

| STT | Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý | Giá trị theo sổ sách kế toán<br>(Nghìn đồng) |            |                 | Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền |     |          |          |                                            |            | Số tiền thu được từ xử lý tài sản<br>(Nghìn đồng) |           |                          |                            | Chi phí xử lý | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------|----------------------------------------------|------------|-----------------|-------------------------------------------------------|-----|----------|----------|--------------------------------------------|------------|---------------------------------------------------|-----------|--------------------------|----------------------------|---------------|---------|
|     |                                              | Nguyên giá                                   |            | Giá trị còn lại | Điều chuyển                                           | Bán | Thanh lý | Tiêu hủy | Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại | Xử lý khác | Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo               | Tổng cộng | Đã nộp tại khoản tạm giữ | Chưa nộp tại khoản tạm giữ |               |         |
|     |                                              | Nguồn ngân sách                              | Nguồn khác |                 |                                                       |     |          |          |                                            |            |                                                   |           |                          |                            |               |         |
| 1   | 2                                            | 3                                            | 4          | 5               | 6                                                     | 7   | 8        | 9        | 10                                         | 11         | 12                                                | 13        | 14                       | 15                         | 16            | 17      |
| 7   | TÀI SẢN                                      | 13.375                                       |            |                 |                                                       |     | x        |          |                                            |            | Phía đỡ, huy bo. Vặt liêu, vật tư thu hồi từ p... |           |                          |                            |               |         |
| 8   | TÀI SẢN                                      | 13.375                                       |            |                 |                                                       |     | x        |          |                                            |            | Phía đỡ, huy bo. Vặt liêu, vật tư thu hồi từ p... |           |                          |                            |               |         |
| 9   | TÀI SẢN                                      | 13.375                                       |            |                 |                                                       |     | x        |          |                                            |            | Phía đỡ, huy bo. Vặt liêu, vật tư thu hồi từ p... |           |                          |                            |               |         |
| 10  | TÀI SẢN                                      | 13.375                                       |            |                 |                                                       |     | x        |          |                                            |            | Phía đỡ, huy bo. Vặt liêu, vật tư thu hồi từ p... |           |                          |                            |               |         |

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

*Trang Thị Bình*

Ngày 31. tháng 12. năm 2025.

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

**TRUNG HỌC CƠ SỞ QUỐC TÂN**  
**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**THị trấn Tân An**  
**TRƯỜNG**  
**Hiệu trưởng**  
**Đài Thị Minh Nguyệt**

**CƠ SỞ**  
**QUỐC TÂN**